

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-PT.
Ngày: 02-02-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuấn.

Bà Trịnh Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2025/HS-PT ngày 28/11/2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/02/1983 tại tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh); Căn cước Công dân: số 024083012514 cấp ngày 14/7/2025; Đăng ký HKTT: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (cũ); nơi cư trú: Thôn L, xã N, tỉnh Bắc Ninh (trước khi sáp nhập: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Bùi Thanh H1; có 02 con lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 08/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Bảo lãnh*”. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Văn C, sinh ngày 16/7/1983 tại tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân: 027083014960 cấp ngày 11/7/2024; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh (Trước khi sáp nhập: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B1 và bà Nguyễn Thị H2; vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 21/HSST ngày 21/5/2004.

- Bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 16 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án số 79/HSST ngày 18/8/2009. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm, sau đó rút kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đình chỉ việc xét xử phúc thẩm tại Quyết định số 13/2009/HSPT-QĐ ngày 20/11/2009.

- Bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 12 tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 59/2021/HSST ngày 22/01/2021.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2019 đến ngày 14/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Bảo lĩnh*”. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thế B**, sinh ngày 11/3/1985 tại tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân: 027085010263 cấp ngày 11/9/2024; nơi cư trú: Khu phố C, phường N, tỉnh Bắc Ninh (Trước khi sáp nhập: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế T1 và bà Phạm Thị H3; có vợ là Nguyễn Thị C1 (đã ly hôn); có 02 con sinh năm 2012 và năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim H** (Tên gọi khác: B4), sinh ngày 14/10/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân: 066195018006 cấp ngày 09/8/2021; nơi cư trú: Tổ dân phố A, xã P, tỉnh Đắk Lắk (Trước sáp nhập: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị P; có chồng là Võ Ngọc C2; có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 07/8/1987 tại tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân số: 027087005320 cấp ngày 08/5/2021; nơi cư trú: Số nhà B Khu

phố Q, phường V, tỉnh Bắc Ninh (Trước sáp nhập: Khu Q, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị T2; có 02 con sinh năm 2009 và năm 2013.

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và phạt bổ sung 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 212/HSST ngày 11/7/2017.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2022 đến ngày 30/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H:* Luật sư Bùi Bá D - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đ; địa chỉ: Số D đường N, phường T, Thành phố Đà Nẵng (Trước sáp nhập: Số D đường N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam). Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Trọng D1, sinh năm 1974; nơi cư trú: K, phường B, tỉnh Hà Tĩnh (Trước sáp nhập: K, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Trọng D1: Luật sư Lê Văn C3 và Luật sư Trần Thị D2 thuộc Công ty TNHH MTV F. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Quang N2, sinh năm 1978; nơi cư trú: LP22, ngõ B T, phường C, Thành phố Hà Nội (Trước sáp nhập: LP22, ngõ B T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Quang N2: Luật sư Trương Văn B2 - Luật sư của Công ty L2 thuộc đoàn luật sư Thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người giám định:* Ông Lý Trường T3 - Giám định viên của Trung tâm pháp y tỉnh Q. Địa chỉ: Số D đường N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi (Trước sáp nhập: Số D đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn A C4 do Ngô Quang N2 làm Giám đốc đang thi công dự án phụ của gói thầu A3 thuộc dự án cao tốc Q - Đà Nẵng do Tổng Công ty Đ1 (VEC) quản lý. Trong thời gian xây dựng dự án, Ban quản lý dự án có phân công ông Lê Trọng D1 quản lý, giám sát gói thầu phụ nêu trên.

Bị cáo Nguyễn Văn L được Công ty trách nhiệm hữu hạn A C4 phân công làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ tại công trường đối với dự án phụ của gói thầu A3 thuộc dự án cao tốc Q - Đà Nẵng. Trong thời gian này, bị cáo L có phát sinh mâu

thuần cá nhân với ông Lê Trọng D1 về cách ông D1 làm việc tại gói thầu trên, nên bị cáo L nảy sinh ý định làm cho ông D1 bị kỷ luật và không tiếp tục làm việc tại gói thầu phụ này. Bị cáo L có trao đổi, tâm sự với ông Ngô Quang N2 về ý định làm cho ông D1 bị kỷ luật nhưng ông N2 không có ý kiến gì về việc này. Trong khoảng thời gian tháng 01/2018, bị cáo L có viết giấy với nội dung nói ông D1 có quan hệ trai gái ngoài luồng và vút phía trước nhà ông D1 ở Thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh để vợ ông D1 biết chuyện và không cho ông D1 làm việc tại Đà Nẵng nữa. Tuy nhiên, ông D1 vẫn tiếp tục làm việc tại gói thầu phụ nêu trên.

Thấy ông D1 không có phản ứng gì, khoảng tháng 4/2018 bị cáo L đã liên lạc với bị cáo Nguyễn Thị Kim H là người yêu trước đây của bị cáo L trong thời gian bị cáo L làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo L nhắn cho bị cáo H số điện thoại của ông D1 là 0904.677.368 và nói bị cáo H kết bạn Z với ông D1 để nhắn tin làm quen tạo sự thân thiết với ông D1; bị cáo L nói: *“Hậu nhắn tin nói chuyện với ông D1 để L quay phim, chụp hình gửi về cho vợ ông D1 để ông D1 về nhà với vợ”*. Theo lời của bị cáo L, bị cáo H đã nhắn tin qua Zalo nói chuyện thân thiết với ông D1. Bị cáo H cũng thường xuyên báo lại diễn biến, nội dung cuộc nói chuyện giữa bị cáo H với ông D1 cho bị cáo L biết.

Trước đó, bị cáo L có mối quan hệ bạn bè với bị cáo Vũ Văn C, bị cáo Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn N, bị cáo L biết nhóm của C, Ba, N chuẩn bị đi du lịch nên bị cáo L rủ nhóm của C, B, N vào Quảng Ngãi chơi. Bị cáo C, B và đối tượng N đồng ý.

Sau khi nhóm bị cáo C, B và đối tượng N đồng ý vào Quảng Ngãi, Bị cáo L liên lạc với bị cáo H và nói bị cáo H xuống Quảng Ngãi để thực hiện việc dụ ông D1 vào khách sạn để bị cáo Linh quay P1, chụp hình và đồng thời đi chơi với nhóm bị cáo C, B và đối tượng N (trước đó H có quen biết với C, Ba, N trong thời gian quan hệ yêu đương với Nguyễn Văn L), bị cáo H đồng ý.

Do không có tiền để tiếp bạn, ngày 14/6/2018, bị cáo L đã liên lạc với ông Ngô Quang N2 để mượn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Khi mượn tiền bị cáo L nói là để bị cáo L có việc cá nhân, do đó ông Ngô Quang N2 không biết là bị cáo L mượn tiền vào mục đích gì. Sau khi nhận được tiền, bị cáo L chuyển khoản cho bị cáo H qua số tài khoản ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), với mục đích là để bị cáo H đi lại và chi tiêu khi đến thành phố Q; số tiền còn lại bị cáo L giữ.

Vào ngày 16/6/2018, bị cáo H đi từ Đắk Lắk đến thành phố Q, bị cáo Nguyễn Văn L điều khiển xe ô tô bán tải màu xám mang biển số 29C – 760.14 của Công ty A C4 đón bị cáo H. Sau đó, bị cáo L thuê phòng 420 ở khách sạn Đ2, phường L, thành phố Q để bị cáo H ở. Cùng ngày 16/6/2018, thông qua các cuộc nói chuyện, bị cáo H thông báo cho ông D1 việc mình xuống Quảng Ngãi, ông D1 hẹn gặp bị cáo H và đi uống cà phê cùng nhau tại quán C5 trên đường A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2018, bị cáo L điều khiển xe biển số 29C – 760.14 đến khách sạn Đ2 để đón bị cáo H, cùng đi ra sân bay C, tỉnh Quảng Nam đón C, N và Ba. Sau đó, bị cáo L đưa bị cáo C, N, bị cáo B, bị cáo H xuống Biển

Rạng thuộc tỉnh Quảng Nam để ăn uống. Tại đây, bị cáo Nguyễn Văn L khơi gợi, nói cho cả nhóm biết: *“có thằng kia hay nhấn tin tán tỉnh làm phiền H”*; Bị cáo Nguyễn Thị Kim H cũng nói về việc có người đàn ông hay nhấn tin, tán tỉnh mình. Lúc này, bị cáo L chưa có sự phân công cụ thể trong việc tổ chức đánh ghen theo dự định của mình. Sau đó, bị cáo L đưa tất cả đến khách sạn Đ2 tiếp tục thuê phòng trên tầng 5 để bị cáo L cùng bị cáo C, B và đối tượng tên N ở.

Để chuẩn bị cho việc tổ chức đánh ghen và quay phim, vào ngày 18/6/2018, bị cáo L nói bị cáo H khi đi ra ngoài thì để cửa phòng để bị cáo L vào gắn camera nhằm ghi lại diễn biến của sự việc quan hệ giữa bị cáo H và ông D1. Chiều hôm đó, bị cáo L xuống phòng của bị cáo H gắn 02 camera kết nối wifi với máy điện thoại của bị cáo L để nắm thời điểm ông D1 vào phòng và các diễn biến ở trong phòng để bị cáo L triển khai kế hoạch của mình lập ra. Bị cáo L đặt 01 camera ở ti vi và 01 camera ở giỏ xách của bị cáo H trên tủ đựng quần áo, camera quay về hướng giường ngủ.

Tối ngày 18/6/2018, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thế B, Vũ Văn C, Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị Kim H đi ăn tối tại bờ kè sông T thì ông D1 nhấn tin, hẹn gặp bị cáo H trong khách sạn; bị cáo H nói lại với bị cáo L, bị cáo L nói bị cáo H đồng ý và về trước để ông D1 vào, bị cáo L tiếp tục nói với H: *“Lát nữa có người gõ cửa thì ra mở cửa cho bọn anh vào”*. Lúc này, bị cáo L nói với cả nhóm không ăn nữa, về có việc. Tất cả cùng đi bộ về khách sạn.

Bị cáo H về phòng 420 ở tầng 4, khách sạn Đ2. Bị cáo C, B, và đối tượng tên N về phòng của mình ở tầng 5 khách sạn Đ2. Bị cáo Nguyễn Văn L đi về phòng của bị cáo H và khởi động các camera đã lắp đặt trước đó. Sau đó, bị cáo L đi lên phòng của bị cáo B, C và N tại tầng 5; bị cáo L nói: *“Lát nữa có thằng kia hay nhấn tin tán H, anh em lát nữa xuống đánh ghen và làm rùm beng lên giúp tôi”*. Những người trong phòng không nói gì; bị cáo L tiếp tục phân công vai trò cho C, N, Ba để quay lại hình ảnh, đánh ông D1 theo cách thức đánh ghen như sau: C có nhiệm vụ giả vờ là người yêu của H, trực tiếp đánh ghen và đánh ông D1 vì lý do ông D1 đi khách sạn với H. Ba có nhiệm vụ là người cầm máy quay lại cảnh đánh ghen và cảnh ông D1 ở trong khách sạn với H. Nhưng có nhiệm vụ đứng ngoài can ngăn, không cho đánh nhau. Sau đó, bị cáo L quay về phòng lấy camera rồi quay lại đưa camera cho bị cáo B để quay lại cảnh đánh ghen.

Khoảng 20 giờ 00 ngày 18/6/2018, ông Lê Trọng D1 đến phòng 420 của bị cáo H. Ông D1 và bị cáo H nằm cạnh nhau trên giường ngủ. Qua camera, bị cáo L quan sát được nên nhấn tin vào zalo nhóm yêu cầu cả nhóm xuống tầng 4; bị cáo Nguyễn Thế B đọc được tin nhắn, nói cả nhóm cùng đi xuống tầng 4; lúc này bị cáo L đứng trước cửa phòng 420 quan sát trong phòng bị cáo H qua camera, sau đó bị cáo L vẫy tay, yêu cầu C, N và B vào phòng của bị cáo H để tổ chức đánh ghen; còn bị cáo L do sợ ông D1 biết mặt nên bị cáo L không vào phòng mà lên tầng 5 lấy đồ và xuống lễ tân trả phòng khách sạn.

Khi đến phía trước phòng của bị cáo H, bị cáo C gõ cửa phòng, N nghe điện thoại nên đi ngược về phía hành lang thang máy; bị cáo H ra mở cửa thì bị cáo C

và bị cáo B xông vào trước, N nghe điện thoại xong thì vào sau. Khi vào phòng, bị cáo C đã dùng tay tát vào mặt, đâm vào bụng ông D1; bị cáo C và ông D1 giằng co, kéo quần ông D1 xuống thì ông D1 ngã về phía sau, đầu đập vào bàn gỗ trong phòng. Bị cáo H thấy vậy nên ra can ngăn, N đuổi bị cáo H ra ngoài. Sau đó, ông D1 tiếp tục đứng dậy và nói lớn tiếng với bị cáo C thì N can ngăn bị cáo C không đánh ông D1 nhưng không được, N cũng bỏ đi ra ngoài. Bị cáo B cầm máy quay để quay toàn bộ cảnh đánh ghen trên. Một lúc sau, ông D1 vùng dậy và bỏ chạy ra khỏi phòng. Bị cáo C, bị cáo B cũng rời khỏi phòng xuống tầng trệt. Bị cáo L điện thoại cho bị cáo H nói lấy camera gắn trong phòng 420, bị cáo H quay lại phòng lấy camera và đi xuống gặp bị cáo L, B, C, N; cả nhóm đón xe taxi ra Thành phố Đà Nẵng.

Sau khi bị đánh, ông Lê Trọng D1 đến báo Công an phường L. Sáng ngày 19/6/2018, ông D1 đến khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 120/2018/GDPY ngày 26/7/2018 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q kết luận thương tích của ông Lê Trọng D3, cụ thể: *Đau đầu, chóng mặt: 01%; lún sọ đỉnh trái: 08%.*

Theo Thông tư số 20/2014/TT – BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y1 quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%. Tổn thương trên phù hợp với vật tày gây thương tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1.1. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 08/4/2019.

1.2. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2019 đến ngày 14/12/2019.

1.3. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế B 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.5. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 02 (hai) tháng 10 (mười) ngày tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 212/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2022 đến ngày 30/8/2023 và thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2017 đến ngày 14/4/2017 (theo Bản án số 212/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2025, bị cáo Nguyễn Thị Kim H kháng cáo nội dung bị cáo cho rằng bị cáo không phải đồng phạm vì bị cáo chỉ tiếp nhận thông tin từ Nguyễn Văn L chỉ để đánh ghen ông Lê Trọng D1, không phải cố ý gây thương tích cho bị hại; bị cáo là người trực tiếp can ngăn các bị cáo khác; quá trình giải quyết vụ việc Cơ quan Cảnh sát điều tra không tổng đạt Kết luận giám định cho các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 08/10/2025, các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N kháng cáo với nội dung khi xảy ra sự việc các bị cáo đều không dùng hung khí, người bị hại Lê Trọng D1 không bị té ngã, không đập đầu vào đầu nhưng lại có vết thương ở sọ và quy kết các bị cáo gây thương tích vết thương tại vị trí này là không có căn cứ; quá trình giải quyết vụ việc Cơ quan Cảnh sát điều tra không tổng đạt Kết luận giám định cho các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 20/10/2025, người bị hại Lê Trọng D1 kháng cáo với nội dung: Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Ngô Quang N2; có dấu hiệu lọt tội về tội Vu khống và Làm nhục người khác; Cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu sót các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định về “*Phạm tội có tổ chức*”, “*Phạm tội có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Bản án sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi, đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại các điểm đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có cung cấp các biên lai thu tiền chứng minh đã nộp thêm tiền khắc phục hậu quả trong đó Vũ Văn C nộp khắc phục thêm số tiền 18.363.089 đồng, Nguyễn Văn L nộp khắc phục thêm số tiền 13.363.089 đồng, Nguyễn Thị Kim H nộp khắc phục thêm số tiền 23.363.089 đồng, Nguyễn Thế B nộp khắc phục thêm số tiền 23.363.089 đồng. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó, không có căn cứ để chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H và kháng cáo của bị hại Lê Trọng D1, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Bùi Bá D cho các bị cáo Nguyễn Nguyễn Văn L, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H: Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H không đồng phạm với tội cố ý gây thương tích gây ra cho bị hại Lê Trọng D1, vì H là người trực tiếp can ngăn các bị cáo khác không cho đánh ông D1 và bị cáo đã tự chấm dứt hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại ông Lê Trọng D1 không bị té ngã, không đập đầu vào đâu mà thương tích lún sọ là không phù hợp, tại phiên tòa Giám định viên đưa ra tài liệu, chứng cứ mới là bản chụp phim X – quang chụp chấn thương trên đầu của bị hại nhưng tài liệu này không có trong hồ sơ vụ án nên có dấu hiệu làm sai lệch kết luận giám định pháp y; hiện nay bác sỹ Phạm Ngọc P2 đã bị bắt vì có hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án, do đó, Luật sư tố cáo hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án của Trung tâm pháp y tỉnh Q trong vụ án này; vết thương do vật tày gây nên nhưng phác đồ Điều trị bệnh án thì lại không có thuốc làm tan máu bầm, vậy thực tế có vết thương trên đầu của bị hại hay không; Cơ quan Cảnh sát điều tra không thông báo kết luận giám định cho các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng tố tụng...

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi vì có tình tiết mới là bản chụp phim X – quang tại phiên tòa do Giám định viên đưa ra; xác minh lại toàn bộ hồ sơ trung cầu giám định đối với Kết luận giám định pháp y thương tích của ông Lê Trọng D1.

Bị cáo Nguyễn Thế B trình bày ý kiến: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hiện nay bị cáo có con nhỏ, mẹ bị cáo bị ung thư nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Văn L trình bày ý kiến: Bị cáo đồng ý với ý kiến của Luật sư và bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Văn C trình bày ý kiến: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn N trình bày ý kiến: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo đã nộp tiền 15 triệu đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng hiện nay bị cáo không có căn cứ gì để nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H và kháng cáo của bị hại Lê Trọng D1 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa: Bị hại ông Lê Trọng D1 và luật sư bào chữa cho ông D1 là Luật sư Lê Văn C3, Luật sư Trần Thị D2; ông Ngô Quang N2 và Luật sư bào chữa cho ông Ngô Quang N2 là Luật sư Trương Văn B2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị hại Lê Trọng D1:

[2.1.1] Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Ngô Quang N2, xét kháng cáo trên của bị hại, thì thấy: Đối với ông Ngô Quang N2, quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Văn L có tâm sự với ông N2 về việc bị cáo L mâu thuẫn với ông D1 và có ý định làm ông D1 bị kỷ luật nhưng ông N2 không có ý kiến gì về việc này. Việc ông N2 cho bị cáo Nguyễn Văn L mượn số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 14/6/2018 là vì mối quan hệ thân thiết, không phải là tiền để thuê bị cáo Nguyễn Văn L tổ chức đánh ghen ông Lê Trọng D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn L trình bày do bị cáo khó khăn, nên bị cáo có mượn ông N2 bằng cách ứng trước tiền lương của bị cáo, việc bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng số tiền đó vào mục đích gì ông N2 không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với Ngô Quang N2 về tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Do đó, việc bị hại Lê Trọng D1 cho rằng ông Ngô Quang N2 đồng phạm với các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và cùng gây thương tích cho ông D1 là không

có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Có dấu hiệu tội về tội Vu khống và Làm nhục người khác, xét kháng cáo trên của bị hại Lê Trọng D1:

Đối với việc ông Lê Trọng D1 có đơn trình bày yêu cầu khởi tố tội “*Làm nhục người khác*” đối với các bị cáo: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời ông Lê Trọng D1 đến làm việc nhưng ông D1 không chấp hành. Quá trình diễn ra việc đánh ghen thì bị cáo Vũ Văn C có hành vi kéo quần ông D1 xuống và quay phim lại cảnh đánh ghen nhưng hành vi này của bị cáo C chỉ là một trong các hành vi khi thực hiện đánh ghen. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Phòng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Q khôi phục lại tài khoản Gmail của bị cáo Nguyễn Văn L để xác định có việc bị cáo L gửi đoạn video quay lại cảnh đánh ghen của ông D1 cho ông Ngô Quang N2 hay không, nhưng không thể phục hồi được tài khoản Gmail này. Do đó, không có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn L gửi đoạn video quay cảnh đánh ghen của ông D1 cho ông Ngô Quang N2 để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông D1. Vì vậy, không có cơ sở xác định hành vi của Nguyễn Văn L và các bị cáo khác có dấu hiệu của tội “*Làm nhục người khác*” quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc ông Lê Trọng D1 có đơn yêu cầu khởi tố tội “*Vu khống*”: Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn L do xuất phát từ việc ông Lê Trọng D1 làm quản lý giám sát hay chèn ép, hay vùi vĩnh tiền của những người khác tại công trường, nên bị cáo L ghét ông D1, ông D1 cũng không làm gì bị cáo nhưng bị cáo chỉ bức tức vì ông D1 hay vùi vĩnh tiền của những người trong công trường. Việc mâu thuẫn này chỉ có một mình L biết và bị cáo L cũng không có đơn tố cáo ông D1 gửi đến Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào và bị cáo L cũng không loan truyền cho người khác để xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông D1. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L không có dấu hiệu của tội “*Vu khống*” quy định tại Điều 156 Bộ luật Hình sự.

[2.1.3] Áp dụng thiếu sót các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về Phạm tội có tổ chức, Phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo:

Kháng cáo này là không có căn cứ vì theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Trường hợp người phạm tội vừa có tình tiết định khung đồng thời thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì áp dụng tình tiết định khung cao nhất, các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hoặc tình tiết định khung vừa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong cùng một khoản định khung của Điều luật thì áp dụng tình tiết định khung và các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, các bị cáo đã bị điều tra, truy tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Có tổ chức*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, do

các bị cáo đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự các tình tiết định khung quy định tại các điểm đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a (phạm tội có tổ chức) và điểm d (phạm tội có tính chất côn đồ) quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nữa, do đó, kháng cáo này của bị hại là không có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thừa nhận sau khi Bản án số 80/2020/HSST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy để điều tra lại, Cơ quan điều tra đã thông báo kết quả giám định thương tật của ông Lê Trọng D1 cho các bị cáo biết, các bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì; bị cáo L thừa nhận đã nhận được Kết luận giám định (BL 1349); bị cáo C thừa nhận đã nhận được Kết luận giám định thương tích của ông D1 (BL 1354-1355); bị cáo H thừa nhận đã nhận được Kết luận giám định thương tích của ông D1 (BL 1373-1374); bị cáo B thừa nhận đã nhận được Kết luận giám định thương tích của ông D1 (1379-1380); bị cáo N thừa nhận đã nhận được Kết luận giám định thương tích của ông D1 (1386-1389);

Riêng bị cáo L có yêu cầu giám định lại nhưng Cơ quan điều tra có thông báo trả lời yêu cầu của bị cáo L không có căn cứ nên không được chấp nhận, bị cáo L đã nhận được thông báo trả lời và cũng thống nhất, không khiếu nại gì. Do đó, các bị cáo kháng cáo cho rằng Cơ quan điều tra không thông báo kết luận giám định thương tật của ông Lê Trọng D1 cho các bị cáo biết, làm các bị cáo mất đi quyền của mình là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của các bị cáo cho rằng: Các bị cáo đều không dùng hung khí, người bị hại Lê Trọng D1 không bị té ngã, không đập đầu vào đâu nhưng lại có vết thương ở sọ với tỷ lệ tổn thương là 8% và quy kết các bị cáo gây thương tích vết thương tại vị trí này là không có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Bị cáo là người chủ mưu, lên kế hoạch, sắp xếp, điều hành toàn bộ sự việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, cụ thể: Đưa số điện thoại của ông D1 cho bị cáo Nguyễn Thị Kim H và yêu cầu bị cáo H chủ động nhắn tin làm quen và dẫn dụ ông D1 vào khách sạn để tổ chức đánh ghen, quay phim; Chuẩn bị lực lượng tham gia (rủ các bị cáo C, Ba, N), chuẩn bị phương tiện camera, máy quay phim cầm tay để quay lại diễn biến việc đánh ghen ông D1. Quá trình điều tra bị cáo L cũng thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là không oan (BL 2007). Quá trình điều tra bị cáo L có thừa nhận các bị cáo khác có đánh ông D1 (BL 1348-1349).

Đối với hành vi của bị cáo Vũ Văn C: Là người thực hành tích cực, bị cáo được bị cáo L phân công giả làm người yêu của bị cáo H xông vào phòng 420 trực tiếp dùng tay tát vào mặt, đánh vào bụng của ông Lê Trọng D1, làm ông D1 ngã xuống nền nhà gây thương tích cho ông D1 (BL 1352-1353), quá trình đánh bị cáo thấy ông D1 bị té ngã nhưng ngã như thế nào thì bị cáo không rõ (BL

1353-1355); quá trình điều tra bị cáo L cũng thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là không oan (BL 2007).

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim H: Bị cáo L trình bày nhờ các bị cáo khác đánh ghen thì có Hậu ngồi nghe (BL 1347); Bị cáo H trình bày tại lời khai bị cáo nghe L nói đánh ghen cho ông D1 một trận (1371-1372)... Như vậy hành vi của Nguyễn Thị Kim H là người giúp sức tích cực cho bị cáo L, bị cáo H được bị cáo L phân công nhắn tin làm quen, dẫn dụ ông Lê Trọng D1 vào phòng 420 khách sạn để các bị cáo C, Ba, N thực hiện theo đúng nhiệm vụ mà bị cáo L đã phân công trước đó là đánh ghen với ông D1.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế B: Bị cáo B thực hiện theo đúng nhiệm vụ mà bị cáo L đã giao là cầm máy quay phim để quay lại diễn biến việc đánh ghen; ngoài ra bị cáo B còn dùng chân đá 03 cái vào đầu gây thương tích cho ông D1. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội (BL 2008).

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo N thực hiện theo đúng nhiệm vụ mà bị cáo L giao là giả vờ can ngăn bị cáo C với ông D1 khi bị cáo C đánh ông D1 (BL 1386-1389); Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội (BL 2009).

Tuy các bị cáo không dùng hung khí để đánh bị hại Lê Trọng D1, nhưng quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo đều thừa nhận có hành vi dùng tay, chân đánh vào người bị hại khiến bị hại ngã xuống nền nhà. Sau khi bị đánh sáng ngày 19/6/2018 ông D1 đến khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 120/2018/GĐPY ngày 26/7/2018 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q kết luận thương tích của ông Lê Trọng D1, cụ thể: Đau đầu, chóng mặt: 01%; lún sọ đỉnh trái: 08%. Theo Thông tư số 20/2014/TT – BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y1 quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%. Tổn thương trên phù hợp với **vật tày gây thương tích**.

Tại phiên tòa giám định viên ông Lý Trường T3 giải trình các bước trong giám định đối với người bị hại ông Lê Trọng D1 và xác định hồ sơ, quy trình tiến hành giám định đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật quy định. Giám định viên cho rằng Luật sư của các bị cáo đưa ra các luận cứ bào chữa Trung tâm pháp y tỉnh Q có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án, vì sao không có thuốc chống đông máu trong phác đồ Điều trị cho bị hại và phim chụp X – quang không lưu trong hồ sơ vụ án nhưng các vấn đề này thuốc chống đông máu có cần dùng cho bị hại hay không thì sẽ do bác sĩ quyết định, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm pháp y tỉnh Q; phim chụp X – quang này không bắt buộc phải lưu trong hồ sơ vụ án mà Trung tâm pháp y chỉ gửi Kết luận giám định cho Điều tra viên để lưu trong hồ sơ vụ án; đối với trường hợp Luật sư cho rằng Trung tâm pháp y tỉnh Q có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án có thể nộp đơn tố cáo cho Cơ quan Điều tra của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao để giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H là người gây thương tích 9% như kết luận giám định đối với bị hại Lê Trọng D1 là phù hợp.

Chỉ vì xuất phát từ mâu thuẫn vô cớ và nhỏ nhặt của bị cáo Nguyễn Văn L trong công việc với ông Lê Trọng D1 nên bị cáo L đã nảy sinh ý định làm ông D1 bị kỷ luật bằng hình thức dần dưng, tổ chức đánh ghen. Để đạt được mục đích, bị cáo Nguyễn Văn L đã lên ý tưởng, lập kế hoạch phạm tội: Bắt đầu từ tháng 04/2018, bị cáo L đã liên lạc với bị cáo Nguyễn Thị Kim H, bị cáo L nhắn cho bị cáo H số điện thoại của ông D1 và nói bị cáo H kết bạn Z với ông D1 để nhắn tin làm quen tạo sự thân thiết với ông D1 nhằm gạ gẫm ông D1 vào khách sạn để tạo dựng tình huống đánh ghen. Bị cáo L đã hướng dẫn, bố trí, sắp đặt cho bị cáo Nguyễn Thị Kim H ở cùng với ông D1 tại phòng 420 khách sạn Đ2; lắp đặt camera bí mật quay lén, ghi hình trong phòng của bị cáo H; ngày 18/6/2018 tại phòng 420 khách sạn Đ2 thuộc phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo L phân công bị cáo Vũ Văn C có nhiệm vụ giả làm người yêu bị cáo H trực tiếp đánh ghen, bị cáo Nguyễn Thế B có nhiệm vụ quay phim lại cảnh đánh ghen, bị cáo Nguyễn Văn N vào can ngăn, làm ông Lê Trọng D1 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 09%.

Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định tội là phạm tội có tổ chức và có tính chất côn đồ được quy định tại các điểm đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2.4] Từ những nhận định trên kháng cáo ngày 01/10/2025 của bị cáo Nguyễn Thị Kim H kháng cáo nội dung bị cáo cho rằng bị cáo không phải đồng phạm vì bị cáo chỉ tiếp nhận thông tin từ Nguyễn Văn L chỉ để đánh ghen ông Lê Trọng D1, không phải cố ý gây thương tích; bị cáo là người trực tiếp can ngăn các bị cáo khác; quá trình giải quyết vụ việc Cơ quan Cảnh sát điều tra không tổng đạt Kết luận giám định cho các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; kháng cáo các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N kháng cáo với nội dung khi xảy ra sự việc các bị cáo đều không dùng hung khí, người bị hại Lê Trọng D1 không bị té ngã, không đập đầu vào đầu nhưng lại có vết thương ở sọ và quy kết các bị cáo gây thương tích vết thương tại vị trí này là không có căn cứ; quá trình giải quyết vụ việc Cơ quan Cảnh sát điều tra không tổng đạt Kết luận giám định cho các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.5] Kháng cáo của người bị hại Lê Trọng D1 kháng cáo với nội dung: Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Ngô Quang N2; có dấu hiệu lọt tội về tội Vu khống và Làm nhục người khác; Cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu sót các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định về Phạm tội có tổ chức, Phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Bản án sơ thẩm đã giải quyết về trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo đối với bị hại trong vụ án, không ai kháng cáo nên phần này có hiệu lực pháp luật thi hành. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thế B nộp giấy xác nhận của ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Thế H4 được Bộ trưởng Bộ Y1 tặng huy chương vì sức khỏe nhân dân, bị cáo Nguyễn Thế B được tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2025 đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Thế B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình bổ sung biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả đề ngày 11/5/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Trong đó bị cáo Vũ Văn C đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 18.363.089 đồng (do ông Đinh Hải D4 nộp thay), Nguyễn Văn L đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 13.363.089 đồng (do ông Đinh Hải D4 nộp thay), Nguyễn Thị Kim H đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 23.363.089 đồng (do ông Đinh Hải D4 nộp thay), Nguyễn Thế B đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 23.363.089 đồng (do ông Đinh Hải D4 nộp thay). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng thêm đối với các bị cáo (tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất vụ án và mức hình phạt Tòa án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội từng bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N, giữ nguyên mức hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

[3.2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N trình bày tại phiên tòa sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp tiền bồi thường số tiền 15.000.000 đồng tại Thi hành án, nhưng bị cáo không cung cấp được biên lai thu tiền chứng minh bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả nên không có cơ sở để chấp nhận đối với lời trình bày này của bị cáo Nguyễn Văn N.

[3.3] Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn L, Vũ Văn C nộp để đảm bảo thi hành án.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa của các bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm, đây là vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nên bị hại Lê Trọng D1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim H và kháng cáo của bị hại Lê Trọng D1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

1.1. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 08/4/2019.

1.2. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2019 đến ngày 14/12/2019.

1.3. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thế B 01 (một) năm tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim H 09 (chín) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.5. Căn cứ điểm đ, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N 01 (một) năm 02 (hai) tháng 10 (mười) ngày tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 212/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2022 đến ngày 30/8/2023 và thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2017 đến ngày 14/4/2017 (theo Bản án số 212/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) máy quay phim bên trên chỗ cắm thẻ nhớ có dòng chữ 146A0E668892F_C7740A bên trong có 01 thẻ nhớ 16Gb hiệu Sony; 01 (một) hộp kim loại bên trên có chữ IPWIFICAMERA APP: FDMINICAM, MODEL: IPMN004L4 (dùng đựng máy quay phim).

- Trả lại cho ông Ngô Quang N2 01 (một) camera có 01 dây điện màu đỏ và 01 dây điện màu đen, trên camera có chữ 125⁰C (022).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/5/2019 và ngày 25/8/2020 giữa Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi)).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 288, 587, 590 Bộ luật dân sự năm 2015

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Trọng D1 với tổng số tiền là 89.152.357 đồng (tám mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi bảy) đồng, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho ông Lê Trọng D1 17.830.471 (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng. Bị cáo L đã bồi thường được 10.000.000 (mười triệu) đồng, nên còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Danh số tiền 7.830.471 (bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng.

- Bị cáo Vũ Văn C phải bồi thường cho ông Lê Trọng D1 17.830.471 (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng. Bị cáo C đã bồi thường được 5.000.000 (năm triệu) đồng, nên còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Danh số tiền 12.830.471 (mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thế Ba P3 bồi thường cho ông Lê Trọng D1 17.830.471 (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải bồi thường cho ông Lê Trọng D1 17.830.471 (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho ông Lê Trọng D1 17.830.471 (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi một) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền gia đình bị cáo Vũ Văn C đã nộp 5.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.904.3031.00000 tại Kho bạc Nhà nước Q và số tiền gia đình bị cáo Nguyễn Văn L đã nộp 10.000.000 đồng theo B3 lại thu tiền ngày 08/5/2019 số AA/2010/06371 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi) để đảm bảo việc thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn L, Vũ Văn C nộp để đảm bảo thi hành án theo các biên lai sau đây:

Số tiền 23.363.089 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000335 ngày 11/5/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi).

Số tiền 23.363.089 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000336 ngày 11/5/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi).

Số tiền 13.363.089 đồng (mười ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000333 ngày 11/5/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi).

Số tiền 18.363.089 đồng (mười tám triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm tám mươi chín đồng) Biên lai thu tiền số 0000334 ngày 11/5/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi).

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 391.524 (ba trăm chín mươi một nghìn, năm trăm hai mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 641.524 (sáu trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm hai mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 891.524 (tám trăm chín mươi một nghìn, năm trăm hai mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Vũ Văn C, Nguyễn Thế B, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Lê Trọng D1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND khu vực I – Quảng Ngãi;
- Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh